

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1037/GT-HCCB

Tp.HCM, ngày 19 tháng 10 năm 2022.

Về việc giải trình sự biến động lợi
nhuận sau thuế BCTC riêng Công ty mẹ
quý 3 năm 2022 so với cùng kỳ năm
trước

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (CSV)
Trụ sở chính: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38296620 - 38225373
Fax: (028) 38239109 - 38243166
Website: www.sochemvn.com
Email: sbcc@sochemvn.com

Căn cứ báo cáo tài chính riêng công ty mẹ quý 3 năm 2022, Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (mã chứng khoán CSV) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế BCTC riêng công ty mẹ quý 3 năm 2022 so với quý 3 năm 2021 như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch (1) – (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Quý 3/2022 (1)	Quý 3/2021 (2)		
Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ	73.787.885.992	37.766.775.465	36.021.110.527	95,38%

Nguyên nhân:

STT	Chỉ tiêu	Quý 3/2022	Quý 3/2021	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	420.323.495.370	251.214.496.726	169.108.998.644
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	420.323.495.370	251.214.496.726	169.108.998.644
4.	Giá vốn hàng bán	296.468.768.202	181.494.718.266	114.974.049.936
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	123.854.727.168	69.719.778.460	54.134.948.708
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	4.262.854.037	3.169.899.901	1.092.954.136
7.	Chi phí tài chính	1.282.688.597	984.452.774	298.235.823
8.	Chi phí bán hàng	19.120.826.210	12.336.662.940	3.017.761.329
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.367.271.115	12.349.509.786	3.017.761.329
10.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	92.346.795.283	47.219.052.861	45.127.742.422

STT	Chỉ tiêu	Quý 3/2022	Quý 3/2021	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
11.	Thu nhập khác	11.865.080	22.013.220	-10.148.140
12.	Chi phí khác	14.902.298	7.125.000	7.777.298
13.	Lợi nhuận khác	-3.037.218	14.888.220	-17.925.438
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92.343.758.065	47.233.941.081	45.109.816.984
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.691.554.558	10.239.594.432	9.451.960.126
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-1.135.682.485	-772.428.816	-363.253.669
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.787.885.992	37.766.775.465	36.021.110.527

Lợi nhuận kế toán trước thuế quý 3/2022 tăng 45.110 triệu đồng (tương ứng tăng 95,50%), và lợi nhuận sau thuế quý 3/2022 tăng 36.021 triệu đồng (tương ứng tăng 95,38%) so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chính:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ quý 3/2022 tăng 169.109 triệu đồng (tỷ lệ tăng 67,32%), nguyên nhân chủ yếu do sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chính tăng so với cùng kỳ năm trước như: NaOH tăng 24%, Silicate tăng 75%, HCl tăng 65%; H₂SO₄ tăng 56%, Phèn đơn tăng 51%, H₃PO₄ tăng 66%, Javel tăng 114% và PAC tăng 19%; bên cạnh đó giá bán bình quân một số sản phẩm chính tăng so với cùng kỳ năm trước như: NaOH tăng 95%, Silicate tăng 36%, H₂SO₄ tăng 31%, Javel tăng 11% và H₃PO₄ tăng 107% .

- Chi phí giá vốn hàng bán tăng 114.974 triệu đồng (tỷ lệ tăng 63,35%) , do sản lượng tiêu thụ tăng, chi phí giá thành H₂SO₄ tăng (giá nguyên liệu lưu huỳnh tăng 113%), chi phí giá thành H₃PO₄ tăng (giá nguyên liệu phốt pho tăng 137%), chi phí giá thành sản phẩm gốc xút – clor tăng (giá muối công nghiệp tăng 55%) .

- Doanh thu hoạt động tài chính so với cùng kỳ năm trước tăng 1.093 triệu đồng (tăng 34,48%), do chủ yếu trong kỳ lãi tiền gửi tăng.

- Chi phí bán hàng tăng 6.784 triệu đồng (tăng 54,99%) do giá cước vận chuyển tăng và sản lượng tiêu thụ tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 3.018 triệu đồng (tăng 24,44%).

Trên đây là một số nguyên nhân chính, chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế BCTC riêng công ty mẹ quý 3/2022 tăng so với quý 3/2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng. ✓

Nơi nhận

- Như trên
- HĐQT, CBTT
- Lưu VT, Thư ký

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1038/GT-HCCB

Tp.HCM, ngày 19 tháng 10 năm 2022.

Về việc giải trình sự biến động lợi
nhuận sau thuế BCTC hợp nhất quý 3
năm 2022 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (CSV)
Trụ sở chính: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38296620 - 38225373
Fax: (028) 38239109 - 38243166
Website: www.sochemvn.com
Email: sbcc@sochemvn.com

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2022, Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (mã chứng khoán CSV) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất quý 3 năm 2022 so với quý 3 năm 2021 như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch (1) – (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Quý 3/2022 (1)	Quý 3/2021 (2)		
Báo cáo tài chính hợp nhất	116.278.572.666	39.829.839.007	76.448.733.659	191,94%

Nguyên nhân:

STT	Chỉ tiêu	Quý 3/2022	Quý 3/2021	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	574.485.758.132	356.077.648.276	218.408.109.856
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	574.485.758.132	356.077.648.276	218.408.109.856
4.	Giá vốn hàng bán	391.468.641.843	274.654.377.033	116.814.264.810
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	183.017.116.289	81.423.271.243	101.593.845.046
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	5.448.068.058	3.919.357.480	1.528.710.578
7.	Chi phí tài chính	1.282.688.597	1.339.769.110	-57.080.513
8.	Chi phí bán hàng	21.156.840.153	19.114.356.978	2.042.483.175
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.499.047.434	15.063.946.271	5.435.101.163
10.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh	145.526.608.163	49.824.556.364	95.702.051.799



STT	Chỉ tiêu	Quý 3/2022	Quý 3/2021	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
	doanh			
11.	Thu nhập khác	11.865.080	22.013.220	-10.148.140
12.	Chi phí khác	52.465.928	17.104.261	35.361.667
13.	Lợi nhuận khác	-40.600.848	4.908.959	45.509.807
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145.486.007.315	49.829.465.323	95.656.541.992
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.876.722.451	10.775.783.418	20.100.939.033
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-1.669.287.802	-776.157.102	-893.130.700
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	116.278.572.666	39.829.839.007	76.448.733.659

Lợi nhuận kế toán trước thuế quý 3/2022 tăng 95.657 triệu đồng (tương ứng tăng 191,97%), và lợi nhuận sau thuế quý 3/2022 tăng 76.449 triệu đồng (tương ứng tăng 191,94%) so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chính:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ quý 3/2022 tăng 218.408 triệu đồng (tỷ lệ tăng 61,34%), nguyên nhân chủ yếu do:

+ Tại công ty mẹ: doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ quý 3/2022 tăng 173.833 triệu đồng (tỷ lệ tăng 69,20%), do sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chính tăng như: NaOH tăng 24%, HCl tăng 65%, Silicate tăng 75%; H₂SO₄ tăng 56%, Phèn đơn tăng 51%, H₃PO₄ tăng 66%, Javel tăng 114% và PAC tăng 19%; bên cạnh đó giá bán bình quân một số sản phẩm chính tăng như: NaOH tăng 95%, Silicate tăng 36%, H₂SO₄ tăng 31%, Javel tăng 11%, và H₃PO₄ tăng 116%.

+ Tại công ty con: doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ quý 3/2022 (đã loại trừ doanh thu doanh thu giao dịch nội bộ) tăng 44.575 triệu đồng do giá bán bình quân phốt pho vàng tăng 116%, sản lượng tiêu thụ tăng 33%.

- Chi phí giá vốn hàng bán tăng 116.814 triệu đồng (tỷ lệ tăng 42,53%), do:

+ Tại công ty mẹ: chi phí giá vốn hàng bán tăng do sản lượng tiêu thụ tăng, chi phí giá thành H₂SO₄ tăng (giá nguyên liệu lưu huỳnh tăng 113%), chi phí giá thành H₃PO₄ tăng (giá nguyên liệu phốt pho tăng 137%), chi phí giá thành sản phẩm gốc xút – clor tăng (giá muối công nghiệp tăng 55%).

+ Tại công ty con: sản lượng tiêu thụ sản phẩm phốt pho vàng tăng 33% và giá vốn hàng bán sản phẩm phốt pho vàng bình quân tăng 53,25% (do giá nguyên liệu quặng apatit tăng 41,68%, điện cực tăng 25,47% và than cốc tăng 34,71% so với cùng kỳ).

- Doanh thu hoạt động tài chính so với cùng kỳ năm trước tăng 1.529 triệu đồng (tăng 39,00%), do chủ yếu trong kỳ lãi tiền gửi tăng.

- Chi phí bán hàng tăng 2.042 triệu đồng (tăng 10,69%) do sản lượng tiêu thụ tăng và chi phí vận chuyển trên đơn vị sản phẩm tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 5.435 triệu đồng (tăng 36,08%).

Trên đây là một số nguyên nhân chính, chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất quý 3/2022 tăng so với quý 3/2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng. ✓

Nơi nhận

- Như trên
- HĐQT, CBTT
- Lưu VT, Thư ký

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Bình



